| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 138/2026/DS-PT
Ngày: 06 - 02 - 2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

*Các Thẩm phán:* Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lưu Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Võ Thị Trang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 tháng 01 và ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 574/2025/QĐ-PT ngày 30/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 212, Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Anh Huỳnh Hoài T3, sinh năm 1997; có mặt ngày 12/01/2026.

1.2. Anh Trần Nguyễn Trí H, sinh năm 2003; có mặt ngày 12/01/2026.

1.3. Anh Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989; có mặt ngày 06/02/2026.

Cùng địa chỉ: Số 01D, Lê Thị Riêng, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), là người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn "được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2025 và ngày 24/6/2025).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lại Thị Ngọc T1, sinh năm 1976; có mặt.

2.2. Ông Lâm Minh L, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 146, đường Hàm Nghi, Tổ 42, khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Tuyên, là Luật sư Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tuyên Thụy và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị T, là nguyên đơn; bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L, là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/7/2024, ông L và vợ là bà T1 có hỏi vay bà T số tiền 1.700.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Do có quen biết nên bà T đồng ý và chuyển vào số tài khoản 393979, tên tài khoản Lại Thị Ngọc T1, thuộc Ngân hàng Nam Á, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng và thời hạn trả nợ 10 ngày (có biên nhận).

Đến ngày 08/12/2024, ông L và bà T1 tiếp tục hỏi vay số tiền 1.800.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Do quen biết nên bà T đồng ý và chuyển vào số tài khoản 945280139, tên tài khoản Lại Thị Ngọc T1 thuộc Ngân hàng VIB, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng và thời hạn trả nợ là ngày 14/12/2024 (có biên nhận). Cùng ngày bà T1 có vay tiếp số tiền 3.000.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng. Do có quen biết nên bà T đồng ý và bà T1 trực tiếp nhận tiền, lãi thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn 30 ngày (có biên nhận).

Đến hạn trả nợ như đã thỏa thuận, thì ông L và bà T1 tìm cách tránh né không trả lại tiền cho bà T. Nay bà T yêu cầu buộc ông Lâm Minh L và bà Lại Thị Ngọc T1 liên đới trả số tiền vay là 6.500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 09/12/2024 đến ngày 09/3/2025 là 161.850.000 đồng (6.500.000.000 đồng x 0,83% x 3 tháng = 161.850.000 đồng), yêu cầu ông L và bà T1 liên đới trả lãi từ ngày 09/3/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể rút lại yêu cầu số tiền 1.700.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/7/2024; Rút lại yêu cầu số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 trong số tiền yêu cầu 1.800.000.000 đồng; Rút lại yêu cầu số tiền lãi 161.850.000 đồng. Bà T yêu cầu ông L, bà T1 cùng liên

đới trả số tiền nợ 1.700.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 của số tiền ký vay 1.800.000.000 đồng, số tiền này bà T cho vay bằng hình thức giao tiền mặt cho vợ chồng ông L, bà T1; Yêu cầu ông L, bà T1 cùng liên đới trả số tiền nợ 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024, số tiền này bà T cho vay bằng hình thức giao tiền mặt cho vợ chồng ông L, bà T1. Tổng cộng bà T yêu cầu vợ chồng ông L, bà T1 cùng liên đới trả số tiền vay nợ gốc 4.700.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng ông L, bà T1 thì bà T không đồng ý theo yêu cầu điều chỉnh lãi của số tiền 30.600.000 đồng.

Bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L trình bày:

Ngày 25/7/2024, bà T1 có vay của bà T số tiền 1.700.000.000 đồng, lãi 6%/tháng, thời gian vay 10 ngày, bà T chuyển khoản cho bà T1 số tiền vay và đến ngày 02/8/2024 bà T1 chuyển khoản trả số tiền này cho bà T xong, tổng số tiền chuyển là 1.730.600.000 đồng bao gồm trả gốc và lãi (có sao kê kèm theo).

Vào khoảng 18 giờ ngày 08/12/2024, vợ chồng bà T1, ông L có hỏi bà T vay số tiền 1.800.000.000 đồng để cho khách hàng của bà T1 vay lại, cùng lúc có một khách khác cũng hỏi vay 3.000.000.000 đồng nên vợ chồng bà T1 viết 02 biên nhận vay của bà T nhưng khi viết biên nhận xong thì bà T nói không có tiền mặt, hứa vào ngày hôm sau chuyển khoản cho bà T1 vào số tài khoản 945280139, tên tài khoản Lại Thị Ngọc T1, ngân hàng VIB nhưng bà T không chuyển tiền cho bà T1 như đã hứa, vợ chồng bà T1 có gặp bà T 02 lần để đòi lại biên nhận, bà T hứa nhưng đến nay không giao. Nay bà T yêu cầu trả số tiền này, vợ chồng bà T1, ông L không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Theo đơn phản tố, bà Lại Thị Ngọc T1 trình bày bà Trần Thị T có hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự theo Điều 201 Bộ luật hình sự. Bà T đã áp mức lãi suất 2.000.000 đồng/ngày, tương đương 72%/năm. Cụ thể, ngày 25/7/2024 bà T1 có mượn bà T số tiền 1.700.000.000 đồng đến ngày 02/8/2024 bà T1 đã trả đủ số tiền gốc 1.700.000.000 đồng, bà T tính lãi số tiền 30.600.000 đồng. Nay bà T1 yêu cầu bà T thanh toán lại cho bà T1 số tiền chênh lệch theo quy định của nhà nước là 0,83%/tháng. Bà T có hành vi vu khống vợ chồng bà T1, ông L mượn tiền không trả cụ thể: Số tiền 1.700.000.000 đồng ngày 25/7/2024, bà T1 đã trả đủ cả gốc và lãi; Số tiền 1.800.000.000 đồng ngày 08/12/2024, bà T không có chuyển khoản cho bà T1 và số tiền 3.000.000.000 đồng ngày 08/12/2024 thì bà T không có đưa tiền mặt cho bà T1.

Tại phiên tòa, bà T1 và ông L không đồng ý theo yêu cầu của bà T, cho rằng chữ ký trong biên nhận 1.800.000.000 đồng ngày 08/12/2024 là do bà T1, ông L ký nhưng chưa nhận tiền từ bà T, bởi vì trong biên nhận có ghi phương thức thanh toán qua số tài khoản 945280139, tên tài khoản Lại Thị Ngọc T1, Ngân hàng VIB. Giữ nguyên yêu cầu phản tố về điều chỉnh lãi của số tiền gốc 1.700.000.000 đồng, số tiền lãi đã đóng 30.600.000 đồng, điều chỉnh theo mức lãi 0,83%/tháng, thành tiền 3.726.000 đồng, do vậy bà T phải trả lại số tiền 26.874.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 30/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp) đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L có trách nhiệm cùng liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền vay gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo biên nhận ngày 08/12/2024.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L về số tiền lãi 161.850.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L về số tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 08/12/2024 (trong số tiền 1.800.000.000 đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L về số tiền vay nợ gốc 1.700.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/7/2024.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Lại Thị Ngọc T1, ông Lâm Minh L, về số tiền 1.700.000.000 đồng trong số tiền 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lại Thị Ngọc T1 đối với bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T trả lại cho bà Lại Thị Ngọc T1 số tiền điều chỉnh lãi 22.134.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu 63.664.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 57.331.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003389 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Trần Thị T còn phải nộp 6.333.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lại Thị Ngọc T1, ông Lâm Minh L cùng liên đới chịu 92.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 765.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003659 ngày 13/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành

phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Lại Thị Ngọc T1, ông Lâm Minh L còn phải nộp 91.235.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/6/2025, nguyên đơn Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung buộc bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc theo 02 biên nhận cùng ngày 08/12/2024, tổng số tiền của hai khoản vay là 4.700.000.000 đồng.

Ngày 04/7/2025, bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị T trình bày nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo nhưng có thay đổi kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T, sửa bản sơ thẩm, buộc bị đơn T1 và L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T vốn vay 1.700.000.000 đồng trong số tiền 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024. Bà T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn T1 và L.

Bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L trình bày bị đơn không rút đơn kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L trình bày: Hợp đồng vay ngày 08/12/2024 giữa hai bên là không có thật, chưa được thực hiện. Bị đơn có viết hai biên nhận, nguyên đơn giữ biên nhận, do không đủ tiền nên nguyên đơn chưa giao tiền mà hẹn ngày 09/12/2024 giao tiền nhưng đã không giao tiền cho bị đơn. Do chỉ làm hợp đồng, chưa thực hiện nghĩa vụ giao tiền nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đối với số tiền 03 tỷ đồng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là tổng của 03 khoản vay nhưng không có chứng cứ số tiền 900.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng nằm trong khoảng vay 03 tỷ đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, bị đơn có nhắn tin ngày 28/11/2024 với nội dung: cây này mới vay ngày 20/11/2024, bà T1 chưa xác nhận qua tin nhắn có vay tiền và từ sau ngày 08/12/2024 giữa hai bên cũng chưa xác nhận khoản vay này. Về số tiền 1.800.000.000 đồng bà T chưa giao tiền cho bị đơn. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024.

Bà Lại Thị Ngọc T1 bổ sung ý kiến: Số tiền 1.800.000.000 đồng bà T1 không trả cho bà T tại nhà bà T1 ngày 08/12/2024 mà trả ngày 07/12/2024 tại nhà bà T, có tin nhắn zalo của bà T xác nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T, bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L nộp trong thời hạn và đúng thủ tục nên hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L, sửa một phần bản án sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 theo hướng buộc bà T1, ông L trả cho bà T số tiền 1.700.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T, bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vào ngày 12/01/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Triệu Trọng Đức vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đức theo quy định pháp luật. Đến ngày 06/02/2026 anh Đức có mặt tại phiên tòa.

[3] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T yêu cầu bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 1.700.000.000 đồng trong số tiền 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông L liên đới trả số tiền vay 1.700.000.000 đồng, có cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 08/12/2024 do bà T1 viết, bà T1 và ông L ký tên, viết họ tên với nội dung: "Tôi tên: Lại Thị Ngọc T1…có mượn của chị Trần Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: 212, Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Số tiền: 1.800.000.000 đồng, bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng; Mục đích sử dụng: Đáo hạn ngân hàng; Thời gian trả: 14/12/2024, lãi suất thỏa thuận: 5%; Phương thức nhận tiền: Tiền mặt:…; Chuyển khoản:… Ngân hàng VIB; Tên tài khoản: Lại Thị Ngọc T1; Số tài khoản: 945280139…" và Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 của Văn phòng thừa phát lại Sa Đéc.

[3.2] Bà T1 và ông L thừa nhận biên nhận ngày 08/12/2024 mà bà T giao nộp cho Tòa án có nội dung như nêu trên là do bà T1 viết, ký tên, viết họ tên bà T1 và ông L có ký tên, viết họ tên ông L; về Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 của Văn phòng thừa phát lại Sa Đéc được bà T1 xác nhận là nội dung tin nhắn qua lại trên zalo giữa bà T và bà T1.

[3.3] Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải thì bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày đã chuyển khoản 1.800.000.000 đồng cho bà T1

qua Ngân hàng VIB, nhưng sau đó và tại phiên tòa sơ thẩm đã thay đổi ý kiến cho rằng số tiền 1.800.000.000 đồng mà bà T cho bà T1, ông L vay theo biên nhận ngày 08/12/2024 thực chất không phải chuyển khoản mà giao bằng tiền mặt cho bà T1 lúc 16 giờ ngày 08/12/2024 tại nhà bà T, việc bị đơn nhận tiền đã được bà T1 nhắn tin qua zalo xác nhận với nội dung "Ngày 8/12/2024 T1 có mượn của chị T 1,8 tỷ" (trang 63 của Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025, bút lục số 61); đến ngày 09/12/2024 bà T1 có trả cho bà T vốn vay 100.000.000 đồng nên còn nợ lại 1.700.000.000 đồng và bà T1 đã nhắn tin cho bà T với nội dung "Ngày 9/12/2024 T1 đã trả 100tr => còn lại 1,7 tỷ" (trang 64 của Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025, bút lục số 60). Từ thời điểm nhắn tin còn nợ 1,7 tỷ đồng thì bà T1 và ông L chưa trả vốn vay cho bà T.

[3.4] Bà T1 và ông L cho rằng sau khi làm biên nhận vay tiền, bà T không đủ tiền để chuyển khoản, hẹn hôm sau chuyển tiền nhưng hôm sau và sau đó cũng không chuyển tiền và không trả lại biên nhận, về số tiền 100.000.000 đồng mà bà T1 chuyển khoản cho bà T ngày 09/12/2024 là trả của khoản nợ khác không liên quan đến số tiền 1.800.000.000 đồng, bởi bà T chưa chuyển khoản cho bà T1, ông L như thỏa thuận trong biên nhận. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà T1 thừa nhận vào ngày 08/12/2024 và ngày 09/12/2024 có nhắn tin qua zalo cho bà T với nội dung "Ngày 8/12/2024 T1 có mượn của chị T 1,8 tỷ" và nội dung "Ngày 9/12/2024 T1 đã trả 100tr => còn lại 1,7 tỷ" như bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà T đã trình bày nhưng thực tế bà T1 và ông L vẫn chưa nhận được số tiền vay 1.800.000.000 đồng, về số tiền 100.000.000 đồng mà bà T1 chuyển khoản cho bà T ngày 09/12/2024 là trả trước cho khoản vay 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 đang tranh chấp, sau đó bà T có giao số tiền vay 1.800.000.000 đồng thì bà T1 chỉ còn nợ bà T 1,7 tỷ đồng.

[3.5] Qua xem xét nội dung biên nhận do bà T1 viết, thể hiện việc bà T1 và ông L có ký tên mượn của bà T số tiền 1.800.000.000 đồng; Phương thức nhận tiền: Tiền mặt: … chuyển khoản: … Theo đó tại nội dung tiền mặt và chuyển khoản đều được đánh dấu X, nhưng nội dung chuyển khoản đã được khoanh tròn. Bà T trình bày do giao tiền mặt nên bà T1 khoanh tròn nội dung chuyển khoản, bà T1 và ông L cho rằng số tiền 1.800.000.000 đồng bà T hứa chuyển khoản nhưng sau đó không chuyển khoản vào tài khoản của bà T1 theo thỏa thuận, không giao tiền mặt và không trả lại biên nhận cho bà T1 và ông L nên bà T1 và ông L không đồng ý hoàn trả số tiền 1.700.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

[3.6] Xét thấy căn cứ vào biên nhận ngày 08/12/2024 thể hiện nội dung bà bà T1 và ông L có vay của bà T số tiền 1.800.000.000 đồng (bút lục số 133) và tin nhắn của bà T1 đã nhắn qua zalo cho bà T vào lúc 17 giờ 02 phút ngày 08/12/2024 (trang 63 Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 của Văn phòng thừa phát lại Sa Đéc, bút lục số 61) thể hiện nội dung: "Ngày 8/12/2024 T1 có mượn của chị T 1,8 tỷ", đồng thời tại trang 64 của Vi bằng (bút lục số 64) thể hiện vào ngày 09/12/2024 bà T1 có chuyển trả cho bà T 100 triệu đồng, bà

T1 có chụp màn hình chuyển khoản thành công gửi cho bà T và nhắn tin cho T với nội dung: "Ngày 9/12/2024 T1 đã trả 100tr => còn lại 1,7 tỷ". Do vậy có cơ sở thể hiện giữa bà T và bà T1 đã thay đổi phương thức giao tiền như bà T trình bày nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xác định vào ngày 08/12/2024 bà T1 và ông L có mượn của bà T 1.800.000.000 đồng, ngày 09/12/2024 bà T1 đã trả được 100 triệu đồng, đã nhắn tin xác nhận còn lại 1,7 tỷ đồng, phù hợp với lời trình bày của bà T, người đại diện theo ủy quyền của bà T và hiện bà T đang giữ bản gốc biên nhận bà T1 và ông L có mượn bà T 1.800.000.000 đồng. Việc bà T1 và ông L trình bày bà T1 và ông L chưa nhận số tiền vay 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 và việc bà T1 trả cho bà T tiền vay 100 triệu đồng ngày 09/12/2024 khi chưa nhận được số tiền vay 1.800.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế khách quan nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó việc bà T yêu cầu bà T1 và ông L có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 1.700.000.000 đồng trong số tiền 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 là có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà T1, ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền 1.700.000.000 đồng là chưa phù hợp như đã nhận định trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T1 và ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T vốn vay 1.700.000.000 đồng trong số tiền 1.800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc yêu cầu bà T1 và ông L liên đới trả cho bà T số tiền vay 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1] Bà T1 và ông L thừa nhận biên nhận ngày 08/12/2024 mà bà T giao nộp cho Tòa án có nội dung "Tôi tên: Lại Thị Ngọc T1…có mượn của chị Trần Thị T, … Số tiền: 3.000.000.000 đồng, bằng chữ: Ba tỷ đồng; Mục đích sử dụng: Đáo hạn ngân hàng; Thời gian trả: 30 ngày, lãi suất thỏa thuận: 2%; Phương thức nhận tiền: Tiền mặt: X; Chuyển khoản: …" và Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 của Văn phòng thừa phát lại Sa Đéc được bà T1 xác nhận là nội dung tin nhắn qua lại trên zalo giữa bà T và bà T1.

[4.2] Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải thì bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày ngày 08/12/2024 bà T đã giao tiền mặt cho bà T1 và ông L. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày 08/12/2024 bà T không giao tiền mặt cho bị đơn T1 và L mà chốt nợ của 03 khoản vay trước gồm số tiền vay 600.000.000 đồng ngày 12/10/2024, số tiền 1,5 tỷ đồng ngày 15/10/2024 và số tiền 900.000.000 đồng ngày 20/11/2024, xem như là giao tiền mặt 3.000.000.000 đồng nên bà T đã viết đã trả đủ vào các biên nhận cũ. Đến ngày 22/12/2024, bà T1 đã nhắn tin qua zalo cho bà T với nội dung: "E đã ghi lại cho chị cái biên nhận mới 3 tỷ bao gồm biên nhận cũ 1,5 tỷ và 600tr cũ và món 900tr mới => nên chị gửi lại em mấy cái biên nhận cũ nhé", "E ghi mới rồi thì chị trả lại em biên nhận cũ nhé"

(trang 90 của Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025, bút lục số 34). Ngày 23/12/2024, bà T đã gửi bà T1 hình ảnh biên nhận thể hiện đã trả đủ và hình ảnh đã xé nhỏ. Từ ngày chốt nợ của 03 khoản vay số tiền 3.000.000.000 đồng thì bà T1 và ông L chưa trả vốn vay cho bà T.

[4.3] Bà T1 và ông L cho rằng khi ký biên nhận ghi phương thức giao tiền mặt nhưng sau khi ký biên nhận bà T hứa ngày hôm sau giao tiền nhưng bà T không giao tiền cho bà T1 và ông L như thỏa thuận, việc thỏa thuận không lập văn bản, mà chỉ bằng lời nói, bà T1 và ông L nhiều lần yêu cầu bà T trả lại biên nhận gốc đã ký nhưng bà T hứa trả nhưng không trả nên bà T1 và ông L không đồng ý trả 3.000.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 thừa nhận vào ngày 22/12/2024 có nhắn tin qua zalo cho bà T với nội dung "E đã ghi lại cho chị cái biên nhận mới 3 tỷ bao gồm biên nhận cũ 1,5 tỷ và 600tr cũ và món 900tr mới => nên chị gửi lại em mấy cái biên nhận cũ nhé", "E ghi mới rồi thì chị trả lại em biên nhận cũ nhé" như người đại diện theo ủy quyền của bà T đã trình bày nhưng là khoản vay cũ 1,5 tỷ đồng, 600.000.000 đồng vay ngày 17/6/2024, 900.000.000 đồng vay 20/11/2024 và bà T1, ông L đã thanh toán xong nên 23/12/2024 bà T nhắn tin zalo cho bà T1 đã trả đủ (trang 91 Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 của Văn phòng thừa phát lại Sa Đéc, bút lục số 33).

[4.4] Qua xem xét nội dung biên nhận do bà T1 viết, thể hiện việc bà T1 và ông L có ký tên mượn của bà T số tiền 3.000.000.000 đồng; Phương thức nhận tiền: Tiền mặt (bút lục số 134). Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T và bà T1, ông L đều thống nhất ngày 08/12/2024 bà T không có giao tiền mặt 3.000.000.000 đồng cho bà T1 và ông L, mà có sự việc chốt nợ giữa bà T và bà T1, ông L. Theo đó, người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày số tiền 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 là chốt nợ của 03 khoản vay trước mà bà T1 và ông L nợ bà T gồm số tiền vay 600.000.000 đồng ngày 12/10/2024, số tiền 1,5 tỷ đồng ngày 15/10/2024 và số tiền 900.000.000 đồng ngày 20/11/2024, xem như là giao tiền mặt 3.000.000.000 đồng. Bà T1 và ông L thống nhất có việc chốt nợ với bà T của khoản vay cũ tổng cộng 03 tỷ đồng gồm 1,5 tỷ đồng, 600.000.000 đồng vay ngày 17/6/2024, 900.000.000 đồng vay 20/11/2024 nhưng bà T1, ông L đã thanh toán xong nên 23/12/2024 bà T nhắn tin zalo cho bà T1 đã trả đủ.

[4.5] Qua xem xét Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 nêu trên, tại trang 90 của Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025, bút lục số 34, có ghi nhận việc nhắn tin qua zalo ngày 22/12/2024 giữa bà T và bà T1 thì bà T1 đã nhắn tin cho bà T với nội dung "E đã ghi lại cho chị cái biên nhận mới 3 tỷ bao gồm biên nhận cũ 1,5 tỷ và 600tr cũ và món 900tr mới => nên chị gửi lại em mấy cái biên nhận cũ nhé", "E ghi mới rồi thì chị trả lại em biên nhận cũ nhé". Ngày 23/12/2024, bà T đã gửi hình ảnh biên nhận thể hiện đã trả đủ và hình ảnh biên nhận bị xé nhỏ (trang 91 Vi bằng số 105/2025/VB-TPLSĐ ngày 22/5/2025 của Văn phòng thừa phát lại Sa Đéc, bút lục số 33) và giữ bản gốc biên nhận bà T1 và ông L có mượn bà T 3.000.000.000 đồng. Do đó có căn cứ

xác định ngày 08/12/2024 giữa bà T và bà T1, ông L đã chốt 03 biên nhận nợ cũ thành biên nhận 3.000.000.000 đồng mới nên ngày 22/12/2024 bà T1 đã nhắn tin qua zalo cho bà T nội dung nêu trên, sau đó không thể hiện nội dung bị đơn T1, L đã trả số tiền 3.000.000.000 đồng cho bà T. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T1 và ông L có trách nhiệm cùng liên đới trả cho bà T số tiền vay 3.000.000.000 đồng là có cơ sở.

[4.6] Bà T1 và ông L kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc yêu cầu bà T1 và ông L liên đới trả cho bà T số tiền vay 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/12/2024 nhưng không cung cấp chứng cứ mới so với quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nên kháng cáo của bị đơn T1, L không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T1 và ông L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà T, bà T1, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn do chưa phù hợp như đã nhận định trên nên không được chấp nhận.

[8] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà T1, ông L trả cho bà T số tiền 1.700.000.000 đồng do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lại Thị Ngọc T1 và Lâm Minh L.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 137/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc bà Lại Thị Ngọc T1 và ông Lâm Minh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền vay 4.700.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 08/12/2024.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Lại Thị Ngọc T1, ông Lâm Minh L cùng liên đới chịu 112.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 765.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003659 ngày 13/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đồng Tháp). Bà T1, ông L còn phải nộp án phí số tiền 111.935.000 đồng.

Bà Trần Thị T phải chịu 1.107.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (của số tiền 22.134.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm), được khấu trừ vào số tiền 57.331.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003389 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đồng Tháp). Bà T được hoàn lại số tiền 56.224.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm:

Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000203 ngày 15/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bà T1 và ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà T1 và ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000089 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh;
- TAND khu vực 6;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAT;
- Lưu: VT, HS (Hạnh)

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**